

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 1 - NH 2020-2021
MÔN ANH VĂN LỚP 12 - THỜI GIAN 60 PHÚT

Thời gian/ câu trắc nghiệm/tự luận

0.75 1.2 0.75 1.2 0.75 1.2 0.75 1.2

Stt	NỘI DUNG KIẾN THỨC	Đơn vị kiến thức	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC																Tổng số câu		Tổng thời gian	Tỉ lệ %	
			NHẬN BIẾT				THÔNG HIỂU				VẬN DỤNG				VẬN DỤNG CAO								
			chTN	Thời gian	ch TL	Thời gian	chTN	Thời gian	ch TL	Thời gian	chTN	Thời gian	ch TL	Thời gian	chTN	Thời gian	ch TL	Thời gian	chTN	chTL			
1	Vocabulary, Grammar Unit 1 - 8	1. Pronunciation	1	0.75		0.00	1	0.75		0.00		0.00		0.00		-		-	2	0	1.50	0.4%	
2		2. Stress	1	0.75		0.00	1	0.75		0.00		0.00		0.00		-		-	2	0	1.50	0.4%	
3		3. Error Identification	1	0.75		0.00	1	0.75		0.00	1	0.75		0.00		-		-	3	0	4.50	0.6%	
4		4. Speaking:	1	0.75		0.00	1	0.75		0.00		0.00		0.00		-		-	2	0	1.50	0.4%	
5		5. Synonyms	1	0.75		0.00	1	0.75		0.00		0.00		0.00		-		-	2	0	1.50	4.4%	
6		6. Antonyms		0.00		0.00	1	0.75		0.00	1	0.75		0.00		-		-	2	0	1.50	4.4%	
		7. Vocabulary	1	0.75		0.00	4	5.00		0.00	3			0.00		-		-	8	0	4.00	16.0%	
7		8. Reading comprehension	1	0.75		0.00	2	1.50		0.00	2	1.50		0.00		-		-	5	0	10.50	10.0%	
8		9. Cloze passage		0.00	0	0.00	1	0.75	0	0.00	1	3.00		0.00	2	3		-	5	0	7.00	10.0%	
9		10. Tense	1	0.75	2	2.40	0	0.00	0	0.00		0.00		0.00		-		-	1	2	3.35	6.7%	
10		11. Prepositions		0.00	5	6.00		-		-		0.00		0.00		-		-	0	5	6.00	11.1%	
11		12. Word form		0.00	2	2.40		-		-		0.00		0.00		-	1	1	3	0	3.60	6.0%	
12		13. Gerund – Infinitive	1	0.75		0.00	1	1		-		0.00	0			-		-	0	2	1.50	4.0%	
13		14. Passive voice		0.00	0	0.00		-		-		0.00		0.00		-	1	1	0	1	2.00	2.0%	
		15. Conditional sentence		0.00		0.00		-		-		0.00		0.00		-	1	1	0	1	2.00	0.2%	
		16. Reported speech		0.00		0.00		-		-		0.00	1	1.20		-		-	0	1	2.00	2.0%	
		17. Though/ Because	1	0.75		0.00													1		1.00	2.0%	
		18. Comparison	1	0.75															1		1.00	2.0%	
		19. Relative clause							1	1												2.0%	
		20. Tense Transformation		0.00		0.00		-		-		0.00	1	1.20		-		-	0	1	1.50	2.2%	
Tổng			11	6.75	9	10.8	14	12.5	1	1.00	8	6.00	2	0.00	2	3	3	2.4	37	13	60	87%	
Tỉ lệ			40%				30%				20%				10%								100%
Tổng điểm			4				3				2				1								10.00